

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG MINH BUILDING AND DEVELOPING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRUONG MINH BUILDING AND DEVELOPING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108708542

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 ngách 639/87 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [truongminhcompany88@gmail.com](mailto:truongminhcompany88@gmail.com) Website: [com](http://com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Nghị định 76/2015/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                      | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Quản lý bất động sản (Khoản 5 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);<br>- Môi giới bất động sản (Khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);<br>- Sàn giao dịch bất động sản (Khoản 6 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014);<br>(Không bao gồm hoạt động Đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất) | 6820        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311 |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Thuê cần trục có người điều khiển;<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp;<br>- Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo;<br>- Lợp mái các công trình nhà để ở;<br>- Xây gạch và đặt đá;<br>- Uốn thép;<br>- Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối;<br>- Chống ẩm các toà nhà;<br>- Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước;<br>- Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc. | 4390 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28, Luật thương mại năm 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 480.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH HỮU HÒA   | Số 20 hẻm 192/56/19 Đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 240.000.000.000       | 50,000    | 012673973                                                                                                                                         |         |
| 2   | VŨ THỊ HUỆ     | Thôn Hoàng Trì, Xã Hoàng Thắng, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                              | 240.000.000.000       | 50,000    | 038191005080                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH HỮU HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012673973

Ngày cấp: 13/06/2013

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20 hẻm 192/56/19 Đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20 hẻm 192/56/19 Đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội